BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ
*****

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
VIẾT 2

Số tín chỉ: 02

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Trung Quốc

Năm 2022

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ
KHOA DU LỊCH VÀ NGOẠI NGỮ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Trung Quốc

1. Tên học phần: Viết 2

2. Mã học phần: NNTQ 038

3. Số tín chỉ: 2 (2,0)

4. Trình độ cho sinh viên: Năm thứ nhất (Kỳ 2)

5. Phân bổ thời gian

- Lên lớp: 30 giờ lý thuyết, 0 giờ thực hành
- Tự học: 60 giờ

6. Điều kiện tiên quyết: Học xong học phần Viết 1

7. Giảng viên

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
	ThS. Vũ Trọng Tuấn	0988.735.498	vttuan@saodo.edu.vn
	ThS. Nguyễn Thị Lan	0914.772.563	ntlan@saodo.edu.vn
3.	ThS. Trần Thị Lan Hương	0977.612.288	ttlhuong@saodo.edu.vn
4.	ThS. Nguyễn Thị Xuyên	0988.964.751	ntxuyen@saodo.edu.vn

8. Mô tả nội dung của học phần

Học phần Viết 2 cung cấp từ mới, hướng dẫn cách viết, cách dùng của từ mới và bài tập luyện viết về các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống hằng ngày như: Sở thích, miêu tả vị trí, căn phòng, giao thông, miêu tả món đồ bạn yêu thích, món ăn Trung Quốc, viết đơn xin nghỉ...

9. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

9.1. Mục tiêu

Mục tiêu học phần thỏa mãn mục tiêu của chương trình đào tạo:

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu	Mức độ theo thang đo Bloom	Đáp ứng mục tiêu của CTĐT
MT1	**Kiến thức**		
	- Đọc, viết và sử dụng đúng các từ vựng, cấu trúc tiếng Trung trình độ cơ bản: Cách sử dụng “了，着，过”, câu chữ “把”, câu chữ “被”.	3	[1.2.1.2.a]

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu	Mức độ theo thang đo Bloom	Đáp ứng mục tiêu của CTĐT
MT1	**Kiến thức**		
	- Sử dụng được các từ vựng, cấu trúc trên diễn tả các chủ điểm: Sở thích, miêu tả đồ vật...		
MT2	**Kỹ năng**		
	- Đặt câu, trả lời câu hỏi với từ vựng và cấu trúc trong giáo trình. - Viết được đoạn văn 150- 200 từ về các chủ điểm trong giáo trình.	4	[1.2.2.2]
MT3	**Mức tự chủ và trách nhiệm**		
MT3	Sử dụng đúng các kiến thức đã học trong các tình huống giao tiếp thực tế trong đời sống xã hội và trong công việc tương lai.	4	[1.2.3.1]

9.2. Chuẩn đầu ra

Sự phù hợp của chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	Mức độ theo thang đo Bloom	ĐápứngCĐRcủaCTĐT
CĐR1	**Kiến thức**		
CĐR1.1	Nắm được cách viết chữ Hán theo chủ điểm bài học.	3	[2.1.4] [2.1.5]
CĐR1.2	Trình bày được từ vựng theo chủ đề trong bài học.		
CĐR1.3	Nắm được cách dùng của từ mới trong mỗi bài học.		
CĐR1.4	Đưa ra và vận dụng được ngữ pháp trong mỗi bài học như: Trợ từ động thái, câu bị động…		
CĐR1.5	Nắm được cách trình bày một bài văn tiếng Trung.		
CĐR1.6	Nắm được cách viết bài văn theo chủ đề bài học.		
CĐR2	**Kỹ năng**		

CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	Mức độ theo thang đo Bloom	ĐápứngCĐRcủaCTĐT
CĐR2.1	Viết được các chữ Hán trong các bài học.	4	[2.2.1]
CĐR2.2	Đặt câu được với các từ mới trong bài học.		
CĐR2.3	Viết câu theo nội dung tranh.		
CĐR2.4	Trả lời câu hỏi.		
CĐR2.5	Vận dụng được các cấu trúc đã học như: Sử dụng “了, 着，过”, câu chữ “把”, câu chữ “被”... để thực hành viết và học làm cơ sở cho các học phần Viết 3, Viết 4.		
CĐR2.6	Viết được đoạn văn từ 150 đến 200 chữ về chủ đề trong bài học.		
CĐR3	**Mức tự chủ và trách nhiệm**		
CĐR3.1	Có năng lực làm việc độc lập, làm việc theo nhóm.	4	[2.3.1] [2.3.2]
CĐR3.2	Tuân thủ đúng văn phong viết của người Trung Quốc.		
CĐR3.3	Có kỹ năng tự đọc và nghiên cứu các phần tự học trong tài liệu mà giảng viên yêu cầu.		
CĐR3.4	Có thái độ học tập và làm việc tích cực với nhiệm vụ được phân công.		

10. Ma trận liên kết nội dung với chuẩn đầu ra học phần

TT	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần															
		CĐR1						CĐR2						CĐR3			
		CĐR 1.1	CĐR 1.2	CĐR 1.3	CĐR 1.4	CĐR 1.5	CĐR 1.6	CĐR 2.1	CĐR 2.2	CĐR 2.3	CĐR 2.4	CĐR 2.5	CĐR 2.6	CĐR 3.1	CĐR 3.2	CĐR 3.3	CĐR 3.4
1	第九课. 我的过去和未来 一、热身活动 二、语言形式 三、练习	3	3	3	3	3	3	2	2	2	2	2	2	4	4		4
2	第十课. 我的爱好 一、热身活动 二、语言形式 三、练习	3	3	3	3	3	3	2	2	2	2	2	2	4	4	4	4
3	第十一课. 我的房间 一、热身活动 二、语言形式 三、练习	3	3	3	3	3	3	2	2	2	2	2	2	4	4	4	4
4	第十二课. 这里的交通很方便 一、热身活动 二、语言形式 三、练习	3	3	3	3	3	3	2	2	2	2	2	2	4	4	4	4
5	第十三课. 我最喜欢的东西 一、热身活动 二、语言形式 三、练习	3	3	3	3	3	3	2	2	2	2	2	2	4	4	4	4
6	第十四课. 中国的饺子和烤鸭 一、热身活动 二、语言形式 三、练习	3	3	3	3	3	3	2	2	2	2	2	2	4	4	4	4
7	第十五课. 请假条 一、热身活动 二、语言形式 三、练习	3	3	3	3	3	3	2	2	2	2	2	2	4	4	4	4

11. Đánh giá học phần

11.1. Ma trận phương pháp kiểm tra đánh giá với chuẩn đầu ra học phần

STT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Phương pháp kiểm tra đánh giá *(Hình thức, thời gian, thời điểm)*	CĐR của học phần			Ghi chú
					CĐR1	CĐR2	CĐR3	
1	Điểm thường xuyên	1 điểm	20%	Bài tập cá nhân, thực hành viết	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.3, CĐR1.4,	CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.5.	CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3.	Điểm trung bình của các lần đánh giá
2	Kiểm tra giữa học phần	1 điểm	30%	Tự luận (90 phút)	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.3, CĐR1.4, CĐR1.5,	CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.5.	CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3.	
3	Thi kết thúc học phần	1 điểm	50%	Tự luận (90 phút)	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.3, CĐR1.4, CĐR1.5, CĐR1.6,	CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.5, CĐR2.6.	CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3, CĐR3.4	

11.2. Cách tính điểm học phần

Điểm học phần là trung bình cộng các điểm thành phần đã nhân trọng số. Tính theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân. Sau đó chuyển thành thang điểm chữ và thang điểm 4.

12. Yêu cầu học phần

- Tham gia tối thiểu 80% số giờ học trên lớp.
- Đọc và hoàn thành các bài tập tài liệu bắt buộc và tài liệu tham khảo theo hướng dẫn của giảng viên.
- Tham gia kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần.
- Dụng cụ học tập: Điện thoại smart phone, vở ghi, bút,...

13. Tài liệu phục vụ học phần

- Tài liệu chính:

[1]- Trường Đại học Sao Đỏ (2022*), Tài liệu học tập Viết 2.*

[2]- 刘援 (2006), *体验汉语写作教程（初级一）*

- Tài liệu tham khảo:

[3]- Trần Thị Thanh Liêm biên dịch (2012), *Giáo trình Hán ngữ 3*, Đại học Quốc gia Hà Nội**.**

[4]- Trần Thị Thanh Liêm biên dịch (2012), *Giáo trình Hán ngữ 4*, Đại học Quốc gia Hà Nội**.**

14. Nội dung chi tiết học phần và phương pháp dạy - học

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CĐR học phần
1	第一课. 我的过去和未来 **Mục tiêu bài:** - Viết và đặt câu được với từ vựng trong bài. - Nắm được cấu trúc về trợ từ “了”， cấu trúc “是...的”，động từ năng nguyện, câu phức “虽然..但是”. - Vận dụng được cấu trúc so sánh vào bài tập và viết văn về chủ đề tương lai và quá khứ. **Nội dung cụ thể:** 一、热身活动 二、语言形式 三、练习	04 (4LT, 0TH)	**Thuyết trình; Phương pháp động não; Tổ chức dạy học theo nhóm.** **- Giảng viên:** + Trình bày cách dùng của từ vựng viết trong bài học. + Yêu cầu sinh viên đặt câu với từ vựng trong bài. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm. + Nhận xét, đánh giá sinh viên theo nhóm. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 1 - 10. [2]: Trang 103 - 112. [3]: Trang 1 - 21. + Đặt câu, trả lời câu hỏi của giảng viên. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết vấn đề. + Làm bài tập cá nhân, theo nhóm trong [1]: Bài tập trang 9 - 10..	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.3, CĐR1.4, CĐR1.5, CĐR1.6, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.5, CĐR2.6, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3, CĐR3.4.

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CĐR học phần
2	第二课. 我的爱好 **Mục tiêu bài:** - Viết và đặt câu được với từ vựng trong bài. - Nắm được cấu trúc về câu kiêm ngữ, mẫu câu “又…又”, “除了...，还”. - Vận dụng được cấu trúc so sánh vào bài tập và viết văn về chủ đề sở thích. **Nội dung cụ thể:** 一、热身活动 二、语言形式 三、练习	04 (4LT, 0TH)	**Thuyết trình; Phương pháp động não; Tổ chức dạy học theo nhóm.** **- Giảng viên:** + Trình bày cách dùng của từ vựng viết trong bài học. + Yêu cầu sinh viên đặt câu với từ vựng trong bài. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm. + Nhận xét, đánh giá sinh viên theo nhóm. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 11 - 18. [2]: Trang 113 - 127. [3]: Trang 22 - 37. + Đặt câu, trả lời câu hỏi của giảng viên. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết vấn đề. + Làm bài tập cá nhân, theo nhóm trong [1]: Bài tập trang 14 - 15.	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.3, CĐR1.4, CĐR1.5, CĐR1.6, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.5, CĐR2.6, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3, CĐR3.4.
3	第三课. 我的房间 **Mục tiêu bài:** - Viết và đặt câu được với từ vựng trong bài. - Nắm được cấu trúc về câu chữ “在”, câu chữ “是”, câu chữ “有”, câu tồn hiện.	04 (4LT, 0TH)	**Thuyết trình; Phương pháp động não; Tổ chức dạy học theo nhóm.** **- Giảng viên:** + Trình bày cách dùng của từ vựng viết trong bài học. + Yêu cầu sinh viên đặt câu với từ vựng trong bài. + Nêu vấn đề, hướng dẫn	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.3, CĐR1.4, CĐR1.5, CĐR1.6, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3,

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CĐR học phần
	- Vận dụng được cấu trúc về bổ ngữ xu hướng đơn “来”, “去” và trợ từ động thái “过” vào bài tập và viết văn về chủ đề miêu tả căn phòng của em. **Nội dung cụ thể:** 一、热身活动 二、语言形式 三、练习		sinh viên giải quyết vấn đề. + Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm. + Nhận xét, đánh giá sinh viên theo nhóm. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 21 - 30. [2]: Trang 127 - 139. [3]: Trang 54 - 69. + Đặt câu, trả lời câu hỏi của giảng viên. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết vấn đề. + Làm bài tập cá nhân, theo nhóm trong [1]: Bài tập trang 27 - 28.	CĐR2.4, CĐR2.5, CĐR2.6, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3, CĐR3.4.
4	第四课. 这里的交通很方便 **Mục tiêu bài:** - Viết và đặt câu được với từ vựng trong bài. - Nắm được cấu trúc “既...又...”, “ 如果...”, “只有...才...”. - Vận dụng được cấu trúc về bổ ngữ kết quả và một số bổ ngữ kết quả thông dụng vào bài tập và viết văn về chủ đề phương tiện giao thông. **Nội dung cụ thể:** 一、热身活动 二、语言形式	06 (4LT, 0TH, 2KT)	**Thuyết trình; Phương pháp động não; Tổ chức dạy học theo nhóm.** **- Giảng viên:** + Trình bày cách dùng của từ vựng viết trong bài học. + Yêu cầu sinh viên đặt câu với từ vựng trong bài. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm. + Nhận xét, đánh giá sinh viên theo nhóm. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 31 - 39. [2]: Trang 140 - 150.	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.3, CĐR1.4, CĐR1.5, CĐR1.6, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.5, CĐR2.6, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3, CĐR3.4.

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CĐR học phần
	三、练习 - Kiểm tra giữa học phần		[3]: Trang 88 - 104. [4]: Trang 1 - 14. + Đặt câu, trả lời câu hỏi của giảng viên. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết vấn đề. + Làm bài tập cá nhân, theo nhóm trong [1]: Bài tập trang 37 - 38. - Hoàn thành bài kiểm tra giữa học phần	
5	第五课. 我最喜欢的东西 **Mục tiêu bài:** - Viết và đặt câu được với từ vựng trong bài. - Nắm được cấu trúc: “一...就...”, “对...来说...”, trợ từ “了”, câu chữ “被”. - Vận dụng được cấu trúc câu vào bài tập và viết văn về chủ đề món đồ yêu thích. **Nội dung cụ thể:** 一、热身活动 二、语言形式 三、练习	04 (4LT, 0TH)	**Thuyết trình; Phương pháp động não; Tổ chức dạy học theo nhóm.** **- Giảng viên:** + Trình bày cách dùng của từ vựng viết trong bài học. + Yêu cầu sinh viên đặt câu với từ vựng trong bài. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm. + Nhận xét, đánh giá sinh viên theo nhóm. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 40 - 48. [2]: Trang 151 - 160. [3]: Trang 119 - 132. + Đặt câu, trả lời câu hỏi của giảng viên. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết vấn đề. + Làm bài tập cá nhân, theo	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.3, CĐR1.4, CĐR1.5, CĐR1.6, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.5, CĐR2.6, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3, CĐR3.4.

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CĐR học phần
			nhóm trong [1]: Bài tập trang 46 - 47.	
6	第六课. 中国的饺子和烤鸭 **Mục tiêu bài:** - Viết và đặt câu được với từ vựng trong bài. - Nắm được cách dùng, cấu trúc của câu so sánh. - Vận dụng được trợ từ động thái 着 vào bài tập và viết văn về chủ đề món ăn Trung Quốc. **Nội dung cụ thể:** 一、热身活动 二、语言形式 三、练习	04 (4LT, 0TH)	**Thuyết trình; Phương pháp động não; Tổ chức dạy học theo nhóm.** **- Giảng viên:** + Trình bày cách dùng của từ vựng viết trong bài học. + Yêu cầu sinh viên đặt câu với từ vựng trong bài. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm. + Nhận xét, đánh giá sinh viên theo nhóm. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 49 - 57. [2]: Trang 161 - 170. [3]: Trang 149 - 160. + Đặt câu, trả lời câu hỏi của giảng viên. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết vấn đề. + Làm bài tập cá nhân, theo nhóm trong [1]: Bài tập trang 55 - 56.	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.3, CĐR1.4, CĐR1.5, CĐR1.6, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.5, CĐR2.6, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3, CĐR3.4.
7	第七课. 请假条 **Mục tiêu bài:** - Nắm được định nghĩa, cách dùng, cấu trúc trợ từ động thái “过”, động từ năng nguyện. - Hiểu nghĩa và sử dụng được	04 (4LT, 0TH)	**Thuyết trình; Dạy học dựa trên vấn đề; Tổ chức dạy học theo nhóm.** **- Giảng viên:** + Trình bày cách dùng của từ vựng viết trong bài học. + Nêu vấn đề, hướng dẫn	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.3, CĐR1.4, CĐR1.5, CĐR1.6, CĐR2.1,

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CĐR học phần
	các từ vựng trong bài. - Viết đúng câu về ngữ pháp và ngữ nghĩa về chủ đề đơn xin nghỉ học hoặc nghỉ làm... **Nội dung cụ thể:** 一、热身活动 二、语言形式 三、练习		sinh viên giải quyết vấn đề. + Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm. + Nhận xét, đánh giá sinh viên theo cá nhân, theo nhóm học tập **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 58 - 67. [2]: Trang 171 - 182. [4]: Trang 15 - 30. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết vấn đề. + Làm bài tập cá nhân, theo nhóm trong [1]: Bài tập trang 60 - 62.	CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.5, CĐR2.6, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3, CĐR3.4.

Hải Dương, ngày 09 tháng 8 năm 2022

KT. HIỆU TRƯỞNG PHÓ HIỆU TRƯỞNG	TRƯỞNG KHOA	TRƯỞNG BỘ MÔN
TS. Nguyễn Thị Kim Nguyên	Nguyễn Đăng Tiến	Nguyễn Thị Hoa